

Số : 173/CBTT

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2025

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Duốc Trung ương 3 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

### 1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: TW3
- Địa chỉ: 115 Ngô Gia Tự, phường Hải Châu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: (0236)3 830 202
- Email: duoctw3danang@gmail.com/ Website: <https://duoctw3.com/>

### 2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
  - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán .....):
    - Có  Không
    - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
      - Có  Không
  - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):
    - Có  Không
    - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
      - Có  Không
  - + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
    - Có  Không
    - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
      - Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có  Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày : 20/03/2025 tại đường dẫn:

<https://duoctw3.com/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- HĐQT (thay b/c);
- Lưu: PTQT.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**  
Người đại diện theo pháp luật  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trương Thoại Nhân**

# Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



# Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 35

# Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 ("Công ty"), tiền thân là Công ty Dược Tổng hợp cấp I, là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Liên hiệp các Xí nghiệp dược Việt Nam, nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 4204/QĐ-BYT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400102077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26 tháng 3 năm 2015 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 4 tháng 6 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, bao bì dược và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe khác.

Công ty có trụ sở chính tại số 115 phố Ngô Gia Tự, phường Hải Châu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Xuân Hấn	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Khái	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Trương Thoại Nhân	Thành viên	
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên	
Bà Trần Thị Minh	Thành viên	
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên	

### TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Thoại Nhân	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Thu Hiền	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Thế Nam	Thành viên	
Bà Đỗ Hoàng Giang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Bà Hà Lan Anh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trương Thoại Nhân, Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.


Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



  
Trương Thoại Nhân  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 12961337/67690637

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 (“Công ty”) được lập ngày 18 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc***

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2023-004-1



Lê Minh Tùng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

TRÁ  
:R  
/7



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>157.800.311.532</b>	<b>194.406.244.291</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>4.815.293.332</b>	<b>23.241.707.692</b>
111	1. Tiền		4.815.293.332	23.241.707.692
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		50.000.000	50.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>120.047.098.012</b>	<b>126.378.416.901</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	116.707.789.852	125.237.101.939
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	881.554.379	490.572.126
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	3.828.133.789	2.045.122.844
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(1.370.380.008)	(1.394.380.008)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>31.908.480.315</b>	<b>44.350.025.587</b>
141	1. Hàng tồn kho		31.960.940.286	44.748.744.685
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(52.459.971)	(398.719.098)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>979.439.873</b>	<b>386.094.111</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		21.032.553	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.700	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	958.400.620	386.094.111
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>16.503.755.086</b>	<b>15.769.824.875</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>58.299.536</b>	<b>17.363.153</b>
211	1. Phải thu dài hạn khác	6	58.299.536	17.363.153
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>13.922.051.092</b>	<b>13.782.367.028</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	13.922.051.092	13.782.367.028
222	Nguyên giá		46.045.122.505	43.234.838.388
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(32.123.071.413)	(29.452.471.360)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		170.000.000	170.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(170.000.000)	(170.000.000)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>122.333.333</b>	<b>39.000.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		122.333.333	39.000.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.401.071.125</b>	<b>1.931.094.694</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.401.071.125	1.931.094.694
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>174.304.066.618</b>	<b>210.176.069.166</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>141.059.864.813</b>	<b>180.264.997.542</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>139.864.098.965</b>	<b>178.670.643.082</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11.1	110.140.005.573	128.630.080.700
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11.2	2.767.409.029	2.877.185.226
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2.750.444.388	3.595.888.282
314	4. Phải trả người lao động		1.909.975.130	2.767.024.781
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		163.621.014	191.548.633
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		75.336.950	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	13	1.376.202.943	510.884.565
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	19.351.551.934	39.072.390.094
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	1.329.552.004	1.025.640.801
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.195.765.848</b>	<b>1.594.354.460</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	1.195.765.848	1.594.354.460
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>33.244.201.805</b>	<b>29.911.071.624</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>33.244.201.805</b>	<b>29.911.071.624</b>
411	1. Vốn cổ phần		17.500.000.000	17.500.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		17.500.000.000	17.500.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(482.580.000)	(482.580.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.780.645.956	3.287.279.151
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.446.135.849	9.606.372.473
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.767.883.262	6.317.260.439
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		4.678.252.587	3.289.112.034
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>174.304.066.618</b>	<b>210.176.069.166</b>

Nguyễn Hồ Tuyết Nhi  
Người lập

Lê Đăng Ánh  
Kế toán trưởng

Trương Thị Đại Nhân  
Tổng Giám đốc



Đà Nẵng, Việt Nam  
Ngày 18 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	256.008.527.479	348.630.542.998
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(262.058.163)	(901.666.483)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	255.746.469.316	347.728.876.515
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(215.506.771.164)	(308.047.897.718)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		40.239.698.152	39.680.978.797
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	207.152.106	413.351.303
22	7. Chi phí tài chính	19	(6.658.996.232)	(6.662.936.365)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.979.644.849)	(2.630.137.886)
25	8. Chi phí bán hàng	20	(14.574.974.363)	(13.156.565.600)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(13.403.799.824)	(15.734.542.503)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.809.079.839	4.540.285.632
31	11. Thu nhập khác		254.920.229	114.342.493
32	12. Chi phí khác		(162.089.394)	(436.857.684)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác		92.830.835	(322.515.191)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.901.910.674	4.217.770.441
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	(1.223.658.087)	(928.658.407)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.678.252.587	3.289.112.034
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	2.542	1.642
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25	2.542	1.642

Nguyễn Hồ Tuyết Nhi  
Người lập

Lê Đăng Ánh  
Kế toán trưởng

Trương Thoại Nhân  
Tổng Giám đốc



Đà Nẵng, Việt Nam  
Ngày 18 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>5.901.910.674</b>	<b>4.217.770.441</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	9	2.670.600.053	2.578.031.811
03	(Hoàn nhập dự phòng)/các khoản dự phòng		(1.399.407)	397.190.921
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.088.266.416)	(1.709.808.328)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	17.2	(43.348.460)	(52.673.183)
06	Chi phí lãi vay	19	1.979.644.849	2.630.137.886
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>8.419.141.293</b>	<b>8.060.649.548</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		5.761.628.506	(5.773.106.175)
10	Giảm hàng tồn kho		12.418.944.679	31.974.272.792
11	Giảm các khoản phải trả		(17.193.522.270)	(35.639.344.275)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(491.008.984)	148.824.951
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.036.380.247)	(2.595.748.887)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(1.478.392.034)	(493.929.909)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(189.911.203)	(133.992.518)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>5.210.499.740</b>	<b>(4.452.374.473)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(2.702.852.150)	(1.431.266.979)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	7.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi		23.789.251	31.672.510
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(2.679.062.899)</b>	<b>(1.392.594.469)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		140.886.990.040	165.819.874.507
34	Tiền trả nợ gốc vay		(161.006.416.812)	(152.716.749.390)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	16.3	(841.324.500)	(331.985.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(20.960.751.272)	12.771.140.117
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(18.429.314.431)	6.926.171.175
60	Tiền đầu năm		23.241.707.692	16.314.740.773
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.900.071	795.744
70	Tiền cuối năm	4	4.815.293.332	23.241.707.692

Đà Nẵng, Việt Nam  
Ngày 18 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Hồ Tuyết Nhi  
Người lập



Lê Đăng Ánh  
Kế toán trưởng



Trương Thoại Nhân  
Tổng Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 ("Công ty"), tiền thân là Công ty Dược Tổng hợp cấp I, là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Liên hiệp các Xí nghiệp dược Việt Nam, nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 4204/QĐ-BYT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400102077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26 tháng 3 năm 2015 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 4 tháng 6 năm 2020.

Công ty có trụ sở chính tại số 115 phố Ngô Gia Tự, phường Hải Châu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, bao bì dược và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 2 chi nhánh hạch toán phụ thuộc:

- ▶ Chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Hà Nội: Số 95 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội; và
- ▶ Chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Hồ Chí Minh: 324/4/3 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 132 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 111).

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Đối với trường hợp cho thuê theo hoạt động thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu cho thuê ghi nhận một lần tại thuyết minh 3.21 – *Ghi nhận doanh thu*, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê.

Đối với các trường hợp cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động, thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.10 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị chứng khoán kinh doanh*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.13 Vốn góp của chủ sở hữu

##### *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng và hoàn thành.

*Doanh thu từ tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

*Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn*

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm 2024 khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.18 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, bao bì dược và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe khác. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**3.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	548.298.741	434.677.391
Tiền gửi ngân hàng	4.266.994.591	22.807.030.301
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.815.293.332</b>	<b>23.241.707.692</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Thiết bị y khoa Tâm An	63.353.351.200	34.862.125.000
Các khoản phải thu khác	<u>53.354.438.652</u>	<u>90.374.976.939</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>116.707.789.852</u></b>	<b><u>125.237.101.939</u></b>
<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>(1.370.380.008)</i>	<i>(1.394.380.008)</i>

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.394.380.008	1.410.380.008
<i>Cộng: Dự phòng trích lập trong năm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm</i>	<i>(24.000.000)</i>	<i>(16.000.000)</i>
Số cuối năm	<u>1.370.380.008</u>	<u>1.394.380.008</u>

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Chế tạo máy Thành Ý	391.600.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng C.D.P	110.000.000	110.000.000
Các nhà cung cấp khác	<u>379.954.379</u>	<u>380.572.126</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>881.554.379</u></b>	<b><u>490.572.126</u></b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	2.278.323.914	854.736.915
Các khoản tạm ứng	374.332.710	224.494.561
Phải thu ngắn hạn khác	<u>1.175.477.165</u>	<u>965.891.368</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.828.133.789</u></b>	<b><u>2.045.122.844</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	<u>58.299.536</u>	<u>17.363.153</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>58.299.536</u></b>	<b><u>17.363.153</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. NỢ XẤU**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Dược phẩm Phúc Đạt	682.816.540	-	682.816.540	-
Công ty Cổ phần Pharmaland	106.535.299	-	106.535.299	-
Công ty TNHH Thiết bị Y tế Bình Nguyên	65.949.241	-	67.949.241	-
Các khách hàng khác	515.078.928	-	537.078.928	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.370.380.008</b>	<b>-</b>	<b>1.394.380.008</b>	<b>-</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	12.711.938.105	22.370.242	12.109.740.430	299.626.247
Thành phẩm	5.463.705.329	12.311.993	13.008.068.208	36.580.974
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.006.801.085	-	1.298.265.986	-
Hàng hóa	9.778.495.767	17.777.736	18.332.670.061	62.511.877
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.960.940.286</b>	<b>52.459.971</b>	<b>44.748.744.685</b>	<b>398.719.098</b>

Hàng tồn kho được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 14.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	398.719.098	285.337.991
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	22.600.593	413.190.921
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(368.859.720)	(299.809.814)
<b>Số cuối năm</b>	<b>52.459.971</b>	<b>398.719.098</b>

## Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>				<b>Tổng cộng</b>
Số đầu năm	18.553.888.316	22.529.786.436	2.151.163.636	43.234.838.388
- Mua trong năm	51.221.422	2.759.062.695	-	2.810.284.117
Số cuối năm	18.605.109.738	25.288.849.131	2.151.163.636	46.045.122.505
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao lũy kế:	932.830.357	13.806.103.575	1.225.000.000	15.963.933.932
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Số đầu năm	9.682.066.838	17.914.891.232	1.855.513.290	29.452.471.360
- Khấu hao trong năm	1.253.379.311	1.301.450.286	115.770.456	2.670.600.053
Số cuối năm	10.935.446.149	19.216.341.518	1.971.283.746	32.123.071.413
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	8.871.821.478	4.614.895.204	295.650.346	13.782.367.028
Số cuối năm	7.669.663.589	6.072.507.613	179.879.890	13.922.051.092

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 4.377 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4.505 triệu VND) được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 14.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	1.662.180.530	1.506.038.528
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	738.890.595	232.079.856
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	192.976.310
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.401.071.125</b>	<b>1.931.094.694</b>

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**11.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán khác	110.140.005.573	110.140.005.573	128.629.329.045	128.629.329.045
MDC Marketing Services SDN BHD	71.324.191.154	71.324.191.154	64.260.660.650	64.260.660.650
Link Healthcare Singapore Pte Ltd	8.533.586.858	8.533.586.858	14.370.485.861	14.370.485.861
Các nhà cung cấp khác	30.282.227.561	30.282.227.561	49.998.182.534	49.998.182.534
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	-	-	751.655	751.655
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>110.140.005.573</b>	<b>110.140.005.573</b>	<b>128.630.080.700</b>	<b>128.630.080.700</b>

**11.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị Y tế Đông Nam Á	1.196.118.000	700.984.950
Công ty Cổ phần Dược phẩm Ceteco USA	263.313.790	1.283.232.850
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.307.977.239	892.967.426
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.767.409.029</b>	<b>2.877.185.226</b>

## Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Đơn vị tính: VND
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phát sinh tăng trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	Số phải thu	Số phải nộp	
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	-	501.278.339	10.559.570.821	(9.173.388.660)	-	236.182.860	
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	288.199.758	-	16.943.011.745	(16.262.964.616)	860.208.119	-	
Thuế xuất, nhập khẩu	65.556.531	-	1.451.743.621	-	65.556.585	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.604.500	674.057.697	1.223.658.087	-	19.604.500	419.323.750	
Thuế thu nhập cá nhân	-	38.444.852	634.289.648	-	-	50.959.400	
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	2.382.107.394	2.392.675.177	-	-	2.043.978.378	
Các loại thuế khác	12.733.322	-	5.701.906	-	13.031.416	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>386.094.111</b>	<b>3.595.888.282</b>	<b>33.210.651.005</b>	<b>(25.436.353.276)</b>	<b>958.400.620</b>	<b>2.750.444.388</b>	

### 13. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	122.265.414	100.067.322
Phải trả liên quan tới hoạt động ủy thác nhập khẩu	129.062.778	128.828.475
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.124.874.751	281.988.768
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.376.202.943</b>	<b>510.884.565</b>

## Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 14. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
<b>Vay ngắn hạn</b>								
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 14.1)	37.607.451.482	37.607.451.482	137.886.990.040	(156.541.478.200)	18.952.963.322	18.952.963.322		
Vay cá nhân	1.026.000.000	1.026.000.000	3.000.000.000	(4.026.000.000)	-	-		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14.2)	438.938.612	438.938.612	398.588.612	(438.938.612)	398.588.612	398.588.612		
	<u>39.072.390.094</u>	<u>39.072.390.094</u>	<u>141.285.578.652</u>	<u>(161.006.416.812)</u>	<u>19.351.551.934</u>	<u>19.351.551.934</u>		
<b>Vay dài hạn</b>								
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 14.2)	1.594.354.460	1.594.354.460	-	(398.588.612)	1.195.765.848	1.195.765.848		
	<u>40.666.744.554</u>	<u>40.666.744.554</u>	<u>141.285.578.652</u>	<u>(161.405.005.424)</u>	<u>20.547.317.782</u>	<u>20.547.317.782</u>		
<b>TỔNG CỘNG</b>								

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. VAY (tiếp theo)**

**14.1 Các khoản vay ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	15.865.807.998	Thời hạn khoản vay tối đa 6 tháng. Lãi được trả vào ngày 1 hàng tháng. Kỳ hạn hợp đồng cho vay hạn mức: 12 tháng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2025.	5% - 5,3%	Toàn bộ hàng hóa hoặc hàng tồn kho đang luân chuyển bao gồm: nguyên liệu, bán thành phẩm, sản phẩm dở dang, thành phẩm, hàng hóa kinh doanh và các nguyên liệu/hàng hóa khác
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	1.824.657.164	Thời hạn khoản vay tối đa 6 tháng. Kỳ hạn hợp đồng cho vay hạn mức: 12 tháng, lãi được trả vào ngày 26-27 hàng tháng. Khoản vay gốc đáo hạn vào ngày 10 tháng 3 năm 2025.	5%	Số dư tài khoản đảm bảo tại ngân hàng là 500 triệu đồng. Hàng hóa tồn kho luân chuyển và/hoặc khoản phải thu luân chuyển với giá trị tối thiểu 10 tỷ đồng
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	1.262.498.160	Thời hạn khoản vay tối đa 6 tháng. Kỳ hạn hợp đồng cho vay hạn mức: 12 tháng, lãi được trả vào ngày 26-27 hàng tháng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 10 tháng 11 năm 2025.	5%	Số dư tài khoản đảm bảo tại ngân hàng là 500 triệu đồng. Hàng hóa tồn kho luân chuyển và/hoặc khoản phải thu luân chuyển với giá trị tối thiểu 10 tỷ đồng
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.952.963.322</u></b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. VAY (tiếp theo)**

**14.2 Các khoản vay dài hạn**

Chi tiết khoản vay được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	1.594.354.460	Thời hạn cho vay: 84 tháng. Thanh toán nợ gốc trong vòng 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên: ngày 1 tháng 3 năm 2022, lãi thanh toán ngày 1 hàng tháng.	12,5%	Nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị tại trụ sở chính (nhà kho và khu văn phòng Hòa Minh) (Thuyết minh số 9)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.594.354.460</u></b>			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	398.588.612			
Vay dài hạn	1.195.765.848			

**15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.025.640.801	718.640.801
Trích trong năm	493.822.406	440.992.518
Sử dụng trong năm	<u>(189.911.203)</u>	<u>(133.992.518)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.329.552.004</u></b>	<b><u>1.025.640.801</u></b>

## Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 16.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	17.500.000.000	(482.580.000)	2.342.279.151	8.053.252.957	27.412.952.108
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	3.289.112.034	3.289.112.034
- Trích lập các quỹ	-	-	945.000.000	(1.385.992.518)	(440.992.518)
- Chia cổ tức	-	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Số cuối năm	17.500.000.000	(482.580.000)	3.287.279.151	9.606.372.473	29.911.071.624
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	17.500.000.000	(482.580.000)	3.287.279.151	9.606.372.473	29.911.071.624
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	4.678.252.587	4.678.252.587
- Trích các quỹ (*)	-	-	493.366.805	(987.189.211)	(493.822.406)
- Chia cổ tức	-	-	-	(851.300.000)	(851.300.000)
Số cuối năm	17.500.000.000	(482.580.000)	3.780.645.956	12.446.135.849	33.244.201.805

(\*) Công ty đã thực hiện trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2023, thường Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần	11.375.000.000	11.375.000.000	-	11.375.000.000	11.375.000.000	-
Cổ đông cá nhân	5.651.000.000	5.651.000.000	-	5.651.000.000	5.651.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.026.000.000</b>	<b>17.026.000.000</b>	<b>-</b>	<b>17.026.000.000</b>	<b>17.026.000.000</b>	<b>-</b>

**16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Vốn góp đầu năm	17.500.000.000	17.500.000.000
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>17.500.000.000</b>	<b>17.500.000.000</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố</b>		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	851.300.000	350.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã trả bằng tiền</b>	<b>841.324.500</b>	<b>331.985.000</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**16.4 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>1.750.000</b>	<b>17.500.000.000</b>	<b>1.750.000</b>	<b>17.500.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>1.750.000</b>	<b>17.500.000.000</b>	<b>1.750.000</b>	<b>17.500.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.750.000	17.500.000.000	1.750.000	17.500.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>47.400</b>	<b>474.000.000</b>	<b>47.400</b>	<b>474.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	47.400	474.000.000	47.400	474.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>1.702.600</b>	<b>17.026.000.000</b>	<b>1.702.600</b>	<b>17.026.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.702.600	17.026.000.000	1.702.600	17.026.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. DOANH THU**

**17.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>256.008.527.479</b>	<b>348.630.542.998</b>
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	166.568.679.569	266.550.353.602
Doanh thu bán thành phẩm	79.829.929.578	76.176.318.035
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.609.918.332	5.903.871.361
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(262.058.163)</b>	<b>(901.666.483)</b>
Hàng bán bị trả lại	(262.058.163)	(901.666.483)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>255.746.469.316</b>	<b>347.728.876.515</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	166.568.679.569	265.648.687.119
Doanh thu thuần bán thành phẩm	79.567.871.415	76.176.318.035
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	9.609.918.332	5.903.871.361
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	255.746.469.316	347.728.876.515

**17.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá	163.803.646	360.678.120
Lãi tiền gửi	43.348.460	52.673.183
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>207.152.106</b>	<b>413.351.303</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng hóa	157.232.425.340	252.215.092.329
Giá vốn thành phẩm	57.752.287.530	55.466.280.014
Giá vốn cung cấp dịch vụ	522.058.294	366.525.375
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>215.506.771.164</b>	<b>308.047.897.718</b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	1.979.644.849	2.630.137.886
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.679.351.383	4.032.798.479
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.658.996.232</b>	<b>6.662.936.365</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	10.485.231.709	9.454.757.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	654.409.459	547.431.852
Chi phí vận chuyển	1.202.934.254	1.276.871.694
Chi phí khác	2.232.398.941	1.877.504.402
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.574.974.363</b>	<b>13.156.565.600</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	5.285.793.719	5.984.004.221
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.862.801.071	967.766.779
Thuế, phí, lệ phí	2.372.515.294	3.115.100.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	748.858.404	1.503.327.603
Chi phí đồ dùng văn phòng	155.137.853	166.353.088
Hòa nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(24.000.000)	(16.000.000)
Chi phí khác	3.002.693.483	4.013.990.426
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.403.799.824</b>	<b>15.734.542.503</b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí mua hàng hóa (*)	165.225.963.020	228.942.423.876
Chi phí nguyên vật liệu	36.149.258.749	46.623.219.651
Chi phí nhân viên	21.765.220.691	21.423.221.082
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.020.307.658	3.021.592.386
Chi phí khấu hao	2.670.600.053	2.578.031.811
Hòa nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(24.000.000)	(16.000.000)
Chi phí khác	5.842.367.400	9.654.827.126
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>238.649.717.571</b>	<b>312.227.315.932</b>

(\*) Bao gồm chi phí mua hàng hóa cho các hoạt động thương mại của Công ty.

**22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, bao gồm cả các diễn giải về việc áp dụng Nghị định 20/2017/NĐ-CP, Nghị định số 68/2020/NĐ-CP và Nghị định số 132/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành lần lượt vào ngày 24 tháng 2 năm 2017, ngày 24 tháng 6 năm 2020 và ngày 5 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**22.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	752.941.830	928.658.407
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	470.716.257	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.223.658.087</b>	<b>928.658.407</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.901.910.674</b>	<b>4.217.770.441</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	709.665.878	843.554.088
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	30.315.952	85.104.319
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	12.960.000	-
Giá vốn điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước	41.978.226	-
Điều chỉnh khác theo Biên bản kiểm toán Nhà nước	437.192.576	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Doanh thu điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước	(8.454.545)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>1.223.658.087</b>	<b>928.658.407</b>

**22.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1 Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty mẹ Công ty cùng Tập đoàn Công ty cùng Tập đoàn Công ty có chung thành viên Hội đồng Quản trị Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HDQT"), bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Đinh Xuân Hấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HDQT"), miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Khái	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HDQT"), miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Trương Thoại Nhân	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên HĐQT
Bà Trần Thị Minh	Thành viên HĐQT
Bà Ngô Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát ("BKS")
Ông Nguyễn Thế Nam	Thành viên BKS
Bà Đỗ Hoàng Giang	Thành viên BKS, bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Bà Hà Lan Anh	Thành viên BKS, miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	Mua dịch vụ Thanh toán tiền cổ tức	133.483.176 568.750.000	123.012.582 227.500.000

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc đối trừ công nợ. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

					<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>		
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh số 11)</b>						
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	-	751.655		
			<b>-</b>	<b>751.655</b>		

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập (*)</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Trương Thoại Nhân	Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT	543.750.000	528.000.000
Ông Đinh Xuân Hân	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024)	48.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Khái	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024)	24.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Bà Trần Thị Minh	Thành viên HĐQT	194.100.233	141.300.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>857.850.233</b>	<b>789.300.000</b>

(\*) bao gồm tiền lương, thù lao và thưởng.

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát		332.090.625	316.022.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê văn phòng, thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	3.413.451.692	2.353.165.403
Trên 1 – 5 năm	13.416.138.368	9.328.181.613
Trên 5 năm	41.706.751.812	34.250.091.714
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>58.536.341.872</u></b>	<b><u>45.931.438.730</u></b>

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Công ty hiện đang cho thuê địa điểm kinh doanh theo hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	1.374.584.307	756.222.222
Trên 1 – 5 năm	2.526.136.744	49.322.368
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.900.721.051</u></b>	<b><u>805.544.590</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.678.252.587	3.289.112.034
Quý khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong năm (*)	<u>(350.000.000)</u>	<u>(493.822.406)</u>
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b><u>4.328.252.587</u></b>	<b><u>2.795.289.628</u></b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.702.600</u>	<u>1.702.600</u>
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.702.600</u></b>	<b><u>1.702.600</u></b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- <i>Lãi cơ bản</i>	2.542	1.642
- <i>Lãi suy giảm</i>	2.542	1.642

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng được điều chỉnh giảm khoản dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2024 này căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ: Đô la Mỹ (USD)	244,83	1.058,03

**27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Hồ Tuyết Nhi  
 Người lập



Lê Đăng Ánh  
 Kế toán trưởng

Đà Nẵng, Việt Nam  
 Ngày 18 tháng 3 năm 2025



Trương Thoại Nhân  
 Tổng Giám đốc

